

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH CÁC ĐIỂM BẢN THÁNG 03/2026

THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/03/2026. NĂM HỌC 2025-2026

(Lưu ý: Các ngày ăn trong tháng có số tiền là bằng nhau do vậy đề nghị GV và phụ huynh học sinh giám sát việc thực hiện nấu ăn. Có vấn đề gì báo về cho Đ/c hiệu trưởng qua số máy 0944899322)

THỨ	TÊN HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÓN ĂN
GIA VỊ						
GIA VỊ	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	9,00	12.000	108.000	
	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	9,00	16.000	144.000	
	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	9,00	63.000	567.000	
	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	9,00	70.000	630.000	
Tổng cộng					1.449.000	
TỔNG NHẬP THỨ 2						
THỨ 2 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2026)	Thịt lợn vai, móng, ba chi	Kg	6,60	158.000	1.042.800	Thịt lợn xào quả su su
	Quả su su	Kg	6,00	20.000	120.000	
	Rau bắp cải trắng	Kg	5,90	18.000	106.200	Rau, củ, quả nấu canh
	Hành lá	Kg	0,21	50.000	10.500	
Tổng cộng					1.279.500	
TỔNG NHẬP THỨ 3						
THỨ 3 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2026)	Trứng vịt	Kg	237,00	4.700	1.113.900	Trứng rán
	Rau bắp cải trắng	Kg	8,45	18.000	152.100	Rau, củ, quả nấu canh
	Hành lá	Kg	0,27	50.000	13.500	
Tổng cộng					1.279.500	
TỔNG NHẬP THỨ 4						
THỨ 4 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 03/2026)	Thịt lợn vai, móng, ba chi	Kg	6,60	158.000	1.042.800	Thịt lợn xào quả su su
	Quả su su	Kg	6,00	20.000	120.000	
	Rau bắp cải trắng	Kg	5,90	18.000	106.200	Rau, củ, quả nấu canh
	Hành lá	Kg	0,21	50.000	10.500	
Tổng cộng					1.279.500	
TỔNG NHẬP THỨ 5						
THỨ 5 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 03/2026)	Trứng vịt	Kg	237,00	4.700	1.113.900	Trứng rán
	Rau bắp cải trắng	Kg	8,45	18.000	152.100	Rau, củ, quả nấu canh
	Hành lá	Kg	0,27	50.000	13.500	
Tổng cộng					1.279.500	

Kế Toán

(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng

(Ký, họ tên)



Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2
THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH CÁC ĐIỂM BẮN THÁNG 03-2026 NĂM HỌC 2025-2026

Thứ 2 (Tháng 03/2026) là: 5 bữa ăn

Tổng số học sinh ăn trưa tại các điểm bắn: 160 học sinh

(Lưu ý: Các ngày ăn trong tháng có số tiền là bằng nhau do vậy đề nghị GV và phụ huynh học sinh giám sát việc thực hiện nấu ăn. Có vấn đề gì báo về cho Đ/c hiệu trưởng qua số máy 0944899322)

BẢN	Số học sinh ăn	Số tiền ăn/học sinh	Số tiền ăn trong một bữa	Thực phẩm						Ghi chú
				Tên thực phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Cách chế biến	
NẬM KHUM	23	8.500	195.500	Thịt lợn vai, móng, ba chỉ	Kg	0,90	158.000	142.200	Thịt lợn xào quả su su	THỨ 2 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2026)
				Quả su su	Kg	0,86	20.000	17.200		
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,00	18.000	18.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							195.500			
HÚI TO 1	19	8.500	161.500	Thịt lợn vai, móng, ba chỉ	Kg	0,70	158.000	110.600	Thịt lợn xào quả su su	THỨ 2 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2026)
				Quả su su	Kg	0,74	20.000	14.800		
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,00	18.000	18.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							161.500			
NẬM VÌ	37	8.500	314.500	Thịt lợn vai, móng, ba chỉ	Kg	1,50	158.000	237.000	Thịt lợn xào quả su su	THỨ 2 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2026)
				Quả su su	Kg	1,62	20.000	32.400		
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,50	18.000	27.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							314.500			

BẢN	Số học sinh ăn	Số tiền ăn/học sinh	Số tiền ăn trong một bữa	Thực phẩm						Ghi chú
				Tên thực phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Cách chế biến	
HUA SIN	39	8.500	331.500	Thịt lợn vai, mỡ, ba chỉ	Kg	1,70	158.000	268.600	Thịt lợn xào quả su su	THỨ 2 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2026)
				Quả su su	Kg	1,34	20.000	26.800		
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,00	18.000	18.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							331.500			
HÚI TO 2	42	8.500	357.000	Thịt lợn vai, mỡ, ba chỉ	Kg	1,80	158.000	284.400	Thịt lợn xào quả su su	THỨ 2 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 03/2026)
				Quả su su	Kg	1,44	20.000	28.800		
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,40	18.000	25.200	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,05	50.000	2.500		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							357.000			

Kê Toán
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2
THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH CÁC ĐIỂM BẢN THÁNG 03-2026 NĂM HỌC 2025-2026

Thứ 3 (Tháng 03/2026) là: 5 bữa ăn

Tổng số học sinh ăn trưa tại các điểm bản: 160 học sinh

(Lưu ý: Các ngày ăn trong tháng có số tiền là bằng nhau do vậy đề nghị GV và phụ huynh học sinh giám sát việc thực hiện nấu ăn. Có vấn đề gì báo về cho Đ/c hiệu trưởng qua số máy 0944899322)

BẢN	Số học sinh ăn	Số tiền ăn/học sinh	Số tiền ăn trong một bữa	Thực phẩm						Ghi chú
				Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thành tiền	Cách chế biến	
NẬM KHUM	23	8.500	195.500	Trứng vịt	Kg	32,00	4.700	150.400	Trứng rán	THỨ 3 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,50	18.000	27.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							195.500			
HÚI TO 1	19	8.500	161.500	Trứng vịt	Kg	26,00	4.700	122.200	Trứng rán	THỨ 3 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,15	18.000	20.700	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,05	50.000	2.500		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							161.500			
NẬM VÌ	37	8.500	314.500	Trứng vịt	Kg	57,00	4.700	267.900	Trứng rán	THỨ 3 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,50	18.000	27.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,07	50.000	3.500		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							314.500			

BẢN	Số học sinh ăn	Số tiền ăn/học sinh	Số tiền ăn trong một bữa	Thực phẩm						Ghi chú
				Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng thực phẩm	Đơn giá	Thành tiền	Cách chế biến	
HUA SIN	39	8.500	331.500	Trứng vịt	Kg	59,00	4.700	277.300	Trứng rán Rau, củ, quả nấu canh	THỨ 3 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,95	18.000	35.100		
				Hành lá	Kg	0,06	50.000	3.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							331.500			
HÚI TO 2	42	8.500	357.000	Trứng vịt	Kg	63,00	4.700	296.100	Trứng rán Rau, củ, quả nấu canh	THỨ 3 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	2,35	18.000	42.300		
				Hành lá	Kg	0,05	50.000	2.500		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							357.000			

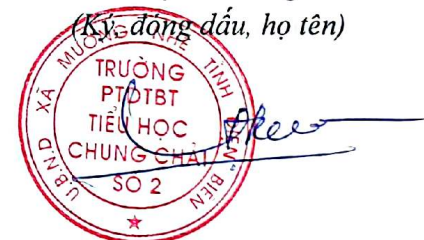
Kế Toán
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng

(Ký, đóng dấu, họ tên)



Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2
THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH CÁC ĐIỂM BẮN THÁNG 03-2026 NĂM HỌC 2025-2026

Thứ 4 (Tháng 03/2026) là: 4 bữa ăn

Tổng số học sinh ăn trưa tại các điểm bắn: 160 học sinh

(Lưu ý: Các ngày ăn trong tháng có số tiền là bằng nhau do vậy đề nghị GV và phụ huynh học sinh giám sát việc thực hiện nấu ăn. Có vấn đề gì báo về cho Đ/c hiệu trưởng qua số máy 0944899322)

BẢN	Số học sinh ăn	Số tiền ăn/học sinh	Số tiền ăn trong một bữa	Thực phẩm						Ghi chú
				Tên thực phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Cách chế biến	
NẠM KHUM	23	8.500	195.500	Thịt lợn vai, mỡ, ba chỉ	Kg	0,90	158.000	142.200	Thịt lợn xào quả su su	THỨ 4 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 03/2026)
				Quả su su	Kg	0,86	20.000	17.200		
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,00	18.000	18.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							195.500			
HÚI TO 1	19	8.500	161.500	Thịt lợn vai, mỡ, ba chỉ	Kg	0,70	158.000	110.600	Thịt lợn xào quả su su	THỨ 4 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 03/2026)
				Quả su su	Kg	0,74	20.000	14.800		
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,00	18.000	18.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							161.500			
NẠM VÌ	37	8.500	314.500	Thịt lợn vai, mỡ, ba chỉ	Kg	1,50	158.000	237.000	Thịt lợn xào quả su su	THỨ 4 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 03/2026)
				Quả su su	Kg	1,62	20.000	32.400		
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,50	18.000	27.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							314.500			

BẢN	Số học sinh ăn	Số tiền ăn/học sinh	Số tiền ăn trong một bữa	Thực phẩm						Ghi chú
				Tên thực phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Cách chế biến	
HUA SIN	39	8.500	331.500	Thịt lợn vai, móng, ba chỉ	Kg	1,70	158.000	268.600	Thịt lợn xào quả su su	NHỆ IÔNG DTBT THỨ 4 IG CHA 02

Kế Toán
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Trịnh Văn Lập

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2
THỰC ĐƠN ĂN TRƯA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH CÁC ĐIỂM BẮN THÁNG 03-2026 NĂM HỌC 2025-2026

Thứ 5 (Tháng 03/2026) là: 4 bữa ăn

Tổng số học sinh ăn trưa tại các điểm bắn: 160 học sinh

(Lưu ý: Các ngày ăn trong tháng có số tiền là bằng nhau do vậy đề nghị GV và phụ huynh học sinh giám sát việc thực hiện nấu ăn. Có vấn đề gì báo về cho Đ/c hiệu trưởng qua số máy 0944899322)

BẢN	Số học sinh ăn	Số tiền ăn/học sinh	Số tiền ăn trong một bữa	Thực phẩm						Ghi chú
				Tên thực phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Cách chế biến	
NẬM KHUM	23	8.500	195.500	Trứng vịt	Kg	32,00	4.700	150.400	Trứng rán	THỨ 5 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,50	18.000	27.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,04	50.000	2.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							195.500			
HÚI TO 1	19	8.500	161.500	Trứng vịt	Kg	26,00	4.700	122.200	Trứng rán	THỨ 5 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,15	18.000	20.700	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,05	50.000	2.500		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							161.500			
NẬM VÌ	37	8.500	314.500	Trứng vịt	Kg	57,00	4.700	267.900	Trứng rán	THỨ 5 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,50	18.000	27.000	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,07	50.000	3.500		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							314.500			

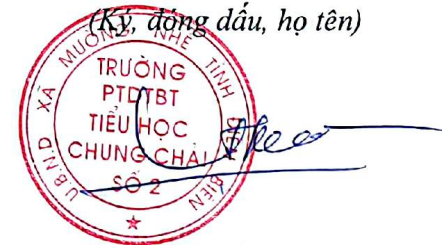
BẢN	Số học sinh ăn	Số tiền ăn/học sinh	Số tiền ăn trong một bữa	Thực phẩm						Ghi chú
				Tên thực phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Cách chế biến	
HUA SIN	39	8.500	331.500	Trứng vịt	Kg	59,00	4.700	277.300	Trứng rán	THỨ 5 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	1,95	18.000	35.100	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,06	50.000	3.000		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							331.500			
HÚI TO 2	42	8.500	357.000	Trứng vịt	Kg	63,00	4.700	296.100	Trứng rán	THỨ 5 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 03/2026)
				Rau bắp cải trắng	Kg	2,35	18.000	42.300	Rau, củ, quả nấu canh	
				Hành lá	Kg	0,05	50.000	2.500		
				Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	0,10	12.000	1.200		
				Nước rửa chén Power100 400g	Chai	0,10	16.000	1.600		
				Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,10	63.000	6.300		
				Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,10	70.000	7.000		
Tổng cộng							357.000			

Kê Toán
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Thiện

Hiệu Trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Trịnh Văn Lập